

Bản án số: 133/2021/HS-PT

Ngày 09 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa
Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 236/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn T;

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Văn Q**, sinh năm 1986 tại Thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị T; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2020/HS-ST ngày 20-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-9-2019 (có mặt).

2. **Lê Văn T**, sinh năm 1989 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Không xác định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-12-2019 (có mặt).

- Người bào chữa:

1. Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Q: Luật sư Nguyễn Trọng N, thuộc Văn phòng luật sư P, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2. Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Luật sư Nguyễn Văn N, thuộc Công ty luật TNHH H, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người bị hại:*

1. Ông Võ Văn Q; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Nguyễn Huy V; địa chỉ: Ấp 8, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Trong vụ án này người bị hại không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo của các bị cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2013, ông Võ Văn Q (tên gọi khác: Ba B) và bà Mã Thị H xảy ra mâu thuẫn vì không thống nhất được việc ông Q thanh toán tiền công chăm sóc cao su và cây mỳ tại khoảnh 6, tiểu khu 1522, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức cho bà H. Đến sáng ngày 08-02-2013, Lữ Quốc T (con trai bà H) chở bà H đến nhà ông Q tại thôn Thống Nhất, xã Đắc Nhau, huyện Bù Đăng để đòi tiền thì ông Q yêu cầu bà H phát dọn xong cỏ ở lô cao su thì mới trả tiền. Sau đó bà H và T ra về, còn ông Q đi mua đồ dùng sinh hoạt cho công nhân và mang vào rẫy của ông Q tại tiểu khu 1522, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức. Sau khi về đến nhà, bà H nói lại việc ông Q không đồng ý trả tiền cho các con là Hoàng Văn D, Hoàng Tiểu P, Lê Văn Q (chung sống như vợ chồng với P) biết, sau đó Q gọi điện thoại cho Lương Văn H nói H gọi thêm người vào rẫy của Q để đi đòi nợ cho gia đình P thì H đồng ý. H rủ thêm Lê Văn T cùng đi với H vào chòi rẫy của Q tại tiểu khu 1522, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức.

Khoảng 12 giờ ngày 08-02-2013, Q, H, Thực, T, D và P tổ chức ăn cơm và uống rượu tại chòi rẫy của Q. Trong lúc ăn cơm cả nhóm thống nhất để P và T xuống chòi rẫy của ông Q để đòi tiền trước, nếu ông Q không trả thì cả bọn xuống đánh ông Q để lấy tiền. Sau khi ăn cơm xong, Q lấy 06 cây dao rựa và đưa mỗi người 01 cây rồi tất cả cùng nhau đi đến chòi rẫy của ông Q.

Khi đến chòi rẫy của ông Q khoảng 200m cả bọn dừng lại, T và P mang theo sổ nợ vào gặp ông Q trước. Khi gặp ông Q, T và P nói ông Q trả tiền cho bà H thì ông Q không đồng ý nên T và P quay lại chỗ Q, H, Thực, D và nói cho cả nhóm biết ông Q không trả tiền. H nói với cả bọn là xuống đánh để bắt ông Q trả tiền thì Q và Thực đồng ý. H điều khiển xe máy chở Q và Thực cầm theo 03 con dao rựa đi xuống chòi rẫy của ông Q. Khi đến cổng, H dựng xe và cầm 01 dao rựa đi vào trước, Q và Thực mỗi người cầm 01 con dao rựa đi theo sau. Vào đến chòi rẫy, H thấy ông Q và người làm thuê cho ông Q là anh Nguyễn Huy V, Hà Văn T, Trần Ngọc T, đang đứng trước chòi nên H hỏi ai là ông Q, nghe H hỏi vậy ông Q trả lời “tôi là Quang đây”. Sau đó H nhảy vào đánh và vật ông Q ngã xuống đất. Trong lúc H đánh nhau với ông Q, Q đứng gần đó dùng dao chém ông Q 01 cái trúng vào đầu gối trái và 01 cái trúng vào đùi phải, H bị Q chém vào mu bàn chân trái. Thấy ông Q bị đánh nên anh Nguyễn Huy V vào can ngăn

thì bị Thực dùng dao chém 01 cái trứng vào lưng nên anh V bỏ chạy. Anh T và anh T cũng sợ bị đánh nên bỏ chạy. Thấy ông Q bị Q chém nên H buông ông Q ra và không đánh nhau nữa. H gọi anh V và anh T cùng quay trở lại chòi rẫy và hứa sẽ không đánh anh V và anh T. Lúc này, P, D và T cùng vừa xuống đến chòi rẫy của ông Q. D dùng tay chân đánh nhiều cái vào người ông Q. T yêu cầu ông Q phải trả tiền. Ông Q nói chỉ còn 5.000.000 đồng trong túi quần để trong nhà. P yêu cầu ông Q phải tự vào lấy nh do bị chém vào chân đau không đi được ông Q nhờ Vũ vào lấy tiền đưa cho T. T lấy tiền và đếm được 5.100.000 đồng. P hỏi T ông Q còn nợ bà H bao nhiêu tiền thì T nói còn nợ 5.000.000 đồng. P nói T viết giấy nợ đưa cho ông Q ký nh T không viết được nên nhờ H viết. H viết giấy nhận nợ với nội dung ông Q còn nợ bà H 5.000.000 đồng, hẹn đến ngày mùng 10 tết âm lịch là phải trả và đưa cho ông Q ký. P cầm giấy nhận nợ và nói cả nhóm ra về. Trước khi ra về, H lấy tại chòi của ông Q 01 cái cửa tay hiệu CHANGLONGTOP, D lấy 01 thùng bia SAIGON loại 333 rồi cả nhóm ra về. Sau đó ông Q được người nhà đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.

Bản kết luận pháp y số: 145/BVT-GĐPY ngày 21-3-2013 của Phòng Giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông kết luận: Tỷ lệ thương tật của ông Võ Văn Q là 35%. Bản kết luận pháp y số: 146/BVT-GĐPY ngày 21-3-2013 của của Phòng Giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông kết luận: Tỷ lệ thương tật của anh Nguyễn Huy V là 08%.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng số: 52/KL-HĐĐGTS ngày 11-11-2013 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tuy Đức kết luận: 01 cửa tay nhãn hiệu CHANGLONGTOP made in Tai Wan có giá trị tại thời điểm khảo sát là 110.000 đồng; 01 thùng bia SAIGON loại 333 có giá trị tại thời điểm khảo sát là 220.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, đã tuyên xử:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 168; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Lê Văn Q 14 (*Mười bốn*) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (*Hai*) năm 02 (*Hai*) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2020/HS-ST ngày 20-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, buộc Lê Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (*Mười sáu*) năm 02 (*Hai*) tháng tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 20-9-2019.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn T 13 (*Mười ba*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25-12-2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2020, bị cáo Lê Văn T kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh.

Ngày 04/6/2020, bị cáo Lê Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Tại phiên tòa các bị cáo kêu oan nH căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo H đã bị xét xử trong vụ án trước có đủ căn cứ xác định, với chung mục đích đến nhà ông Võ Văn Q để đòi tiền, nếu ông Q không trả sẽ dùng vũ lực và thực tế các bị cáo đã dùng vũ lực tấn công ông Võ Văn Q. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử và tuyên bố các bị cáo phạm “Tội cướp tài sản” là có căn cứ, do đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu: Các bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tài sản cũng như không tiếp nhận ý chí về việc chiếm đoạt tài sản. Quá trình xét xử sơ thẩm không triệu tập Lương Văn H, Mã Thị H, Hoàng Văn D... để đối chất công khai đối với các bị cáo là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Do đó các vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn T đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận đã dùng dao rựa mang theo từ nhà Lê Văn Q đến chòi rẫy của ông Võ Văn Q, trong đó bị cáo Q chém ông Q, còn bị cáo Thực chém anh Nguyễn Huy V, H cho rằng không phạm tội cướp tài sản vì không chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Lê Văn Q tại phiên tòa phúc thẩm về việc nghe bà Mã Thị H (là mẹ của bạn gái Q) cho biết về việc ông Võ Văn Q không trả tiền công phát dọn rẫy cho bà H nên Q nhờ người cùng đi đòi nợ. Lời khai của bị cáo Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thể hiện tại bút lục 237. Đồng thời cũng phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Văn T tại cơ quan điều tra (bút lục số 228, 256) và biên bản đối chất giữa các bị cáo với Lương Văn H, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận vào ngày 08/02/2013 các bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn T đã tiếp nhận ý chí của nhau về việc đến đòi nợ ông Võ Văn Q bằng vũ lực với diễn biến hành vi cụ thể như sau:

Ngày 08-2-2013, do ông Võ Văn Q chưa thống nhất về thanh toán tiền công chăm sóc cây cao su và cây mì cho gia đình bạn gái của Lê Văn Q là Hoàng Tiểu P nên Q đã gọi điện rủ Lương Văn H đi đòi nợ thì H đồng ý. H rủ thêm Lê Văn T cùng đi đến nhà ông Q.

Khoảng 12 giờ ngày 08-02-2013, Q, H, Thực, T, D và P tổ chức ăn cơm và uống rượu tại chòi rẫy của Q. Trong lúc ăn cơm cả nhóm thống nhất để P và T xuống chòi rẫy của ông Q để đòi tiền trước, nếu ông Q không trả thì cả bọn xuống đánh ông Q để lấy tiền. Sau khi ăn cơm xong, Q lấy 06 cây dao rựa và đưa mỗi người 01 cây rồi tất cả cùng nhau đi đến chòi rẫy của ông Q tại tiểu khu 1522, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức để lấy tiền nợ và nói với P cùng T vào đòi nợ trước.

Sau khi P và T quay lại mà không đòi được nợ thì H, Q và Thực xuống chòi rẫy của ông Q. Khi vừa gặp ông Q, H lao vào dùng tay chân đánh ông Q còn Q dùng dao chém 01 nhát vào đầu gối phải và 01 nhát vào đùi trái của ông Q gây thương tích 35%, Thực chém 01 nhát vào lưng anh Nguyễn Huy V gây thương tích 08%. Sau đó cả nhóm buộc ông Q phải đưa số tiền 5.100.000 đồng và viết giấy nhận nợ 5.000.000 đồng, H lấy 01 cái cưa tay nhãn hiệu CHANGLONG TOP trị giá 110.000 đồng, D lấy 01 thùng bia SAIGON loại bia 333 trị giá 220.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ông Q bị chiếm đoạt là 5.430.000 đồng

Hậu quả ông Võ Văn Q bị thương tật mắt 35% sức lao động và anh Nguyễn Huy V mất 08% sức lao động.

[3] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của người khác, ngoài ra còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm “Tội cướp tài sản” theo điểm b khoản 3 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Do đó kháng cáo kêu oan của các bị cáo và quan điểm của các vị luật sư không được chấp nhận.

Tuy nhiên đối với bị cáo Lê Văn T là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, đồng thời tại cấp phúc thẩm ông Võ Văn Q là người bị hại trong vụ án có đơn đề nghị xem xét vai trò và hành vi của bị cáo trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn Q không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn T được chấp nhận một phần nên bị cáo Thực không phải chịu án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Q;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn T;

Sửa một phần bản án hình sự thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 168; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Q 14 (*Mười bốn*) năm tù;

Tổng hợp hình phạt 02 (*Hai*) năm 02 (*Hai*) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2020/HS-ST ngày 20-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, buộc Lê Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (*Mười sáu*) năm 02 (*Hai*) tháng tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 20-9-2019.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 12 (*Mười hai*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25-12-2019.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Văn Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Văn T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- VKSNDCC tại Tp.HCM; (1)
- TAND tỉnh Đắk Nông; (1)
- VKSND tỉnh Đắk Nông; (1)
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông; (1)
- Công an tỉnh Đắk Nông; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông; (1)
- Trại tạm giam tỉnh Đắk Nông; (1)
- (Để tổng đạt cho các bị cáo) (2)
- Lưu VP (3); HS (2). (T/15) (án 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long